

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 02 năm 2021.
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Nam Trung**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Định** và ông **Ayun**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu P** - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ: Thôn 2, xã T, huyện M, tỉnh Gia Lai. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Đỗ Văn H** - sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ 4, thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2020, bản tự khai và trong đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P yêu cầu khởi kiện như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu P và ông Đỗ Văn H sống chung với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai vào ngày 16 tháng 02 năm 2017, việc kết hôn của ông bà là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn ông bà đã có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, được sự đồng ý của gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn bà P và ông H chung sống với nhau nhưng chỉ có được hạnh phúc trong thời gian ngắn, rồi sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Ông H không quan tâm đến cuộc sống của vợ

con, không chịu lo làm ăn và thường xuyên kiểm chuyện đánh đập bà. Từ cuối năm 2019 đến nay bà và ông H không còn sống chung với nhau, bà P cùng con về nhà bố mẹ để mình ở huyện Đ để sinh sống.

Nay bà P xác định mình không còn tình cảm gì với ông H nữa, cuộc sống chung của vợ chồng cũng không còn có hạnh phúc nên bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Văn H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu P và ông Đỗ Văn H có một con chung là Đỗ Tùng L - sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017. Bà P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Đỗ Tùng L và không yêu cầu ông H đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P đã cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm Trích lục kết hôn mang tên Nguyễn Thị Thu P – Đỗ Văn H do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai cấp số 104, ngày 16 tháng 02 năm 2017; Trích lục khai sinh mang tên Đỗ Tùng L - sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017.

* Đối với bị đơn ông Đỗ Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ, thông báo về phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án và không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến nay, Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được pháp luật quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, không đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống bà P và ông H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống cũng không có hạnh phúc và từ lâu nay bà P và ông H cũng không còn chung sống với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn của hai vợ chồng bà P và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P. Về con chung: Bà P và ông H có một con chung là Đỗ Tùng Lâm, bà P có nguyện vọng được nuôi con. Vì vậy đề nghị giao con chung Đỗ Tùng L cho bà Nguyễn Thị Thu P nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Phương phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 04/01/2021; tham gia phiên hòa giải vào các ngày 04/01/2021 và ngày 20/01/2021; tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm vào các ngày 05/02/2021 và ngày 22/02/2021 nhưng ông Đỗ Văn H đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu P và ông Đỗ Văn H kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai vào ngày 16 tháng 02 năm 2017 nên quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông H là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì vợ chồng bà P và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, khác nhau về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, sống với nhau nhưng không có sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau. Ông H không quan tâm đến cuộc sống của vợ con và thường hay đánh đập bà nên từ lâu bà P và ông H không còn chung sống với nhau, mặc dù được gia đình hai bên tổ chức hòa giải nhưng tình trạng hôn nhân của ông bà vẫn không được cải thiện. Mâu thuẫn giữa bà P và ông H đã được tổ trưởng tổ 4, thị trấn K xác nhận ngày 30/11/2020. Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông H như vậy là đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà P.

[3] Về con chung: Bà P và ông H có 01 con chung là cháu Đỗ Tùng L - sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017, Bà P đề nghị Hội đồng xét xử giao con Đỗ Tùng L cho bà Phương được trực tiếp nuôi con. Xét thấy từ trước đến nay cháu Lâm sống cùng với bà P và bà P cũng có đủ thu nhập để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con do vậy cần giao con cho bà P là phù hợp. Do bà P không yêu cầu ông H đóng góp nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu P xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu P là nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu P.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu P được ly hôn với ông Đỗ Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn được Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện M, tỉnh Gia Lai cấp số 104 ngày 16 tháng 02 năm 2017).

Về con chung: Giao con chung Đỗ Tùng L - sinh ngày 09 tháng 3 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Thu P trực tiếp nuôi dưỡng khi con chưa thành niên, đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu P không yêu cầu ông Đỗ Văn H phải đóng góp nuôi con chung.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008560 ngày 30/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị Thu P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (22/02/2021) các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- UBND thị trấn Kon Dong, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trương Nam Trung